

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000333

Trang : 1/1

Môn học: **Vi điều khiển (228192) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

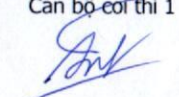
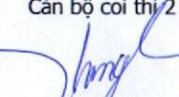
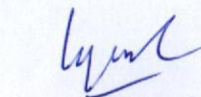
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: 13....

Số bài thi: 13....

Số tờ giấy thi: 13....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Tuấn Anh	Cán bộ coi thi 2  Tô T. Hồng	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2  L.Q. Chuyền
--	---	-------------------	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119060001	TẠ LÊ PHÚC AN	29/03/2001	CCQ1906A		1		7.5	6.5	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B		1		6.5	7.0	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119060041	PHẠM NGỌC DANH	05/12/2001	CCQ1906B		1		6.5	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2117060023	NGUYỄN THANH KHÀI	22/05/1999	CCQ1706A		1		6.0	4.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A		1		5.5	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060066	LÊ PHÚ QUÍ	10/10/2002	CCQ2006A		1		5.5	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060017	DIỆP BẢO QUỐC	12/10/2002	CCQ2006A		1		7.0	4.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060050	TRẦN VĂN TÂM	07/04/2002	CCQ2006B		1		5.5	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119060063	NGUYỄN TRUNG TÍN	04/01/2001	CCQ1906B		1		6.5	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060028	PHẠM VĂN TOÀN	04/10/2002	CCQ2006A		1		✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2118060081	PHẠM NGỌC TRUNG	27/05/2000	CCQ1806B		1		8.0	5.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060031	ĐIỀU VĂN TRƯỜNG	25/09/2002	CCQ2006A		1		8.0	8.0	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2117060092	LÊ QUỐC VŨ	29/07/1999	CCQ1706B		1		8.0	7.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060034	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A		1		6.0	4.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9